**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

Mẫu sản phẩm 5.1

(Kèm theo của Phụ lục 5)

**KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

***(Logic hình thức)***

**1. Thông tin tổng quát**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**Giảng viên 1:****Nguyễn Thái Sơn**

Chức danh, học hàm, học vị:GVCC.PGS. TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0916152529 Email: [ntsdhv@gmail.com](mailto:ntsdhv@gmail.com), [nguyenthaison@vinhuni.edu.vn](mailto:nguyenthaison@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính:Triết học, Lịch sử triết học; Logic học, Khoa học lãnh đạo – quản lý, Chính trị học,…

**Giảng viên 2: Phan Huy Chính**

Chức danh, học hàm, học vị: GV.Th.s

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 091523880 ; email: phanhuychinh@yahoo.com

Các hướng nghiên cứu chính: Triết học, Lịch sử triết học, Logic học

**Giảng viên 3: Nguyễn Văn Sang**

Chức danh, học hàm, học vị: GVC,TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0984980988; email: sangtrietdhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Triết học, Lịch sử triết học, Logic học

**Giảng viên 4:Lê Thị Nam An**

Chức danh, học hàm, học vị:GV, TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư Phạm; Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0911215181 Email: namandhv@gmail.com

Hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác – Lênin, Đạo đức học, Logic học

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên môn học (tiếng Việt): **Logic hình thức**  (tiếng Anh**): Formal logic** | | |
| - Mã số môn học: | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức chuyên ngành  X  Môn học chuyên về kỹ năng chung | | Kiến thức cơ sở ngành  vvxx  Kiến thức khác  Môn học đồ án tốt nghiệp |
| - Số tín chỉ: 03 |  | |
| + Số tiết lý thuyết: | 30 | |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: | 15 | |
| + Số tiết thực hành: |  | |
| + Số tiết hoạt động nhóm: |  | |
| + Số tiết tự học: | 90 | |
| - Môn học tiên quyết: | Không | |
| - Môn học song hành: | Không | |

**2.** **Mô tả môn học**

Lôgíc hình thức là học phần bắt buộc đối với sinh viên khối ngành khoa học xã hội và nhân văn. Khác với các môn học khác, môn học này nghiên cứu các hình thức cơ bản của tư duy như khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh và 4 qui luật cơ bản của tư duy. Việc nghiên cứu, học tập Logic hình thức là cần thiết bởi đây là một trong những môn khoa học có vai trò to lớn trong việc giúp con người có khả năng tư duy logic một cách tự giác. Nghiên cứu Logic hình thức giúp người học nâng cao khả năng phán đoán, suy luận, phát hiện ra những sai lầm, ngụy biện trong tư duy của bản thân và người khác. Nghiên cứu Logic hình thức cũng góp phần trang bị những công cụ nhận thức hết sức quan trọng để con người có thể đi sâu nghiên cứu trong những lĩnh vực khoa học cụ thể. Việc có được trình độ cao về logic hình thức, hiểu biết sâu sắc về các quy luật, qui tắc lôgíc sẽ giúp chúng ta trình bày ý kiến, lập luận của mình một cách chặt chẽ, mạch lạc, thuyết phục hơn.

**3. Mục tiêu môn học**

Mục tiêu tổng quát của học phần gồm:

*Về kiến thức*: Sinh viên hiểu và giải thích được các nội dung kiến thức cơ bản của môn học như khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh, các quy luật của tư duy như quy luật đồng nhất, quy luật cấm mâu thuẫn, quy luật loại trừ cái thứ ba, quy luật lý do đầy đủ.

*Về kĩ năng*: Môn học góp phần quan trọng trong việc rèn luyện khả năng, kỹ năng tư duy logic mà cụ thể là các thao tác tư duy với khái niệm, kỹ năng phán đoán, suy luận, chứng minh. Môn học còn giúp sinh viên áp dụng các kỹ năng này vào việc nghiên cứu, học tập các môn khoa học khác cũng như vận dụng trong thực tiễn nhận thức, trình bày, tranh luận, hùng biện... trong cuộc sống thường ngày. Từ đó nâng cao khả năng nhận thức và tư duy cho người học.

*Về thái độ*: Việc hiểu rõ bản chất của tư duy và tư duy logic sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình học tập các môn khác cũng như làm tăng lòng say mê nghiên cứu khoa học, thúc đẩy ham muốn tìm tòi, khám phá, sáng tạo ở người học.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

(Thống nhất ký hiệu các CĐR học phần là: CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1,…)

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | |
| PLO1.1 | PLO1.3 | | | PLO1.4 | | | PLO2.1 | | PLO2.5 |
| 1.1.1 | 1.3.1 | 1.3.2 | 1.3.2 | 1.4.1 | 1.4.2 | 1.4.3 | 2.1.1 | 2.1.3 | 2.5.2 |
| CLO1.1 | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.2 |  |  |  |  | ✓ | ✓ | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  |  |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ |  |
| CLO2.1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |
| CLO3.1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3.2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu (Gx) (1)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả mục tiêu**  **(2)** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| **CLO 1.1** | 2.0 | **Trình bày được** đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa của Logic hình thức. **Giải thích được** những vấn đề chung về khái niệm. | Thuyết trình, Thảo luận nhóm | Trắc nghiệm;  Hồ sơ học phần |
| **CLO 1.3** | 3.0 | **Giải thích được** những vấn đề chung về phán đoán; Trình bày được nội dung quy luật đồng nhất; quy luật cấm mâu thuẫn; quy luật loại trừ cái thứ ba; quy luật lý do đầy đủ. | Tự học, Thảo luận nhóm | Hồ sơ học phần |
| **CLO 1.4** | 4.0 | Giải thích được những vấn đề chung về suy luận và những vấn đề chung về chứng minh. | Thảo luận nhóm | Hồ sơ học phần |
| **CLO 2.1** | 3.0 | **Vận dụng, thực hành được** các thao tác tư duy với khái niệm. Có kĩ năng phán đoán, suy luận, chứng minh mạch lạc, logic, vận dụng được các kỹ năng này vào thực tiễn. | Thuyết trình | Trắc nghiệm |
| **CLO 2.5** | 3.0 | **Có khả năng** nhận thức đúng đắn về vai trò của tư duy logic, vận dụng được các kiến thức và kỹ năng tư duy logic trong học tập và nghiên cứu các khoa học chuyên ngành. | Thuyết trình, Thảo luận nhóm | Trắc nghiệm;  Hồ sơ học phần |

**5. Đánh giá môn học**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá (1)** | **Bài đánh giá**  **(2)** | **CĐR học phần (Gx.x) (3)** | **Tỉ lệ (%)**  **(4)** |
| **A1. Đánh giá quá trình** | | | **50%** |
| ***A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập*** | | | ***20%*** |
| Sự chuyên cần | A1.1.1. Tham gia đầy đủ các hoạt động được giao (theo nhóm hoặc cá nhân) | G1, G2, G3 | 05% |
| Thái độ học tập | A1.1.2. Thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp | G1, G2, G3 | 05% |
| ***A1.2. Hồ sơ học phần*** | | | ***30%*** |
|  | A1.2.1. Có tài liệu học tập. | G1, G2, G3 | 7,5% |
| A1.2.2. Nạp đủ sản phẩm của nhiệm vụ được giao. | G1, G2, G3 | 15% |
| A1.2.3. Làm đầy đủ bài tập ở nhà và tham gia chữa bài tập. | G1, G2, G3 | 7,5% |
| **A2. Đánh giá cuối kì** | | | **50%** |
| ***Phần Lí thuyết*** | Lựa chọn 1: Thi viết  Lựa chọn 2: Thi trắc nghiệm khách quan |  | 50% |
| ***Phần Thực hành*** |  |  |  |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.1***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |
| **Tham gia lớp học** | Đi học đẩy đủ, đúng giờ | Vắng học  ~7% tổng số giờ lên lớp quy định | Vắng học  ~14% tổng số giờ lên lớp quy định | Vắng học  ~20% % tổng số giờ lên lớp quy định | Vắng học quá 20% % tổng số giờ lên lớp quy định | 70% |
| **Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,…)** | Tích cực  tham gia làm bài tập; thảo luận;  phát biểu  (>=N) (N  được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên tham gia làm bài tập; thảo luận; phát biểu (~75%N  hoạt động) | Có tham gia làm bài tập; thảo luận;  phát biểu (~50%N  hoạt động) | Ít tham gia làm bài tập; thảo luận; phát biểu  (~25%N  hoạt động) | Không tham gia các hoạt động trên lớp | 30% |

***Rubric 2: Đánh giá bài A1.2***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |
| **Tổ chức nhóm** | Phân công nhiệm vụ rõ ràng, tương tác giữa các thành viên trong nhóm tôt | Phân công nhiệm vụ cụ thể, tương tác giữa các thành viên chưa cao | Phân công nhiệm vụ chưa rõ, sự tương tác giữa các thành viên kém | Phân công nhiệm vụ không rõ ràng, chưa có sự tương tác giữa các thành viên | Không có hoạt động nhóm | 40% |
| **Thảo luận nhóm** | * - Thu thập và đưa ra nhiều tài   liệu liên quan đề tài  - Đưa ra  những ý  tưởng rõ  ràng, liên quan đến đề tài | - Thu thập thông tin cơ bản về đề tài  - Thỉnh thoảng đưa ra những ý tưởng liên quan đến đề tài | - Chỉ thu thập thông tin khi có yêu cầu  - Ít khi đưa ra ý tưởng liên quan đến đề tài | - Không thu thập thông tin  - Có đưa ra ý tưởng nhưng không liên quan đến đề tài | - Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm | 30% |
| **Hợp tác nhóm** | - Luôn lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ lực của thành viên trong nhóm | - Có lắng nghe, chia sẻ trong nhóm | - Có 3-4 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | - Có 1-2 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | - Không bao giờ tham gia  thảo luận trong nhóm | 30% |

**6. Kế hoạch giảng dạy** (các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các chuẩn đầu ra của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) các bài đánh giá môn học)

**Lý thuyết:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/Buổi học (1)** | **Nội dung**  **(2)** | **Hình thức tổ chức DH (3)** | **Chuẩn bị và nhiệm vụ của SV (4)** | **CĐR môn học (5)** | **Bài đánh giá (6)** |
| Tuần 1  Tiết 1,2,3 | Chương 1: Đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa của Logic hình thức  1.1. Đối tượng nghiên cứu của logic hình thức  1.2. Nhiệm vụ, ý nghĩa của logic hình thức  1.3. Khái quát lịch sử hình thành, phát triển của logic hình thức | - Tiết 1: Lý thuyết: Đối tượng nghiên cứu của Logic hình thức:  - Tiết 2: Thảo luận nhóm: Thế nào là logic, logic hình thức? Phân biệt nội dung và hình thức của tư duy? Nêu đối tượng nghiên cứu của logic hình thức?  - Tiết 3: Bài tập: Hướng dẫn làm bài tập chương 1  - Tự học:  - Nhiệm vụ, ý nghĩa của logic hình thức  - Khái quát lịch sử hình thành, phát triển của logic hình thức  + Làm câu hỏi trắc nghiệm  + Tự học: Làm bài tập  ở nhà. | - Đọc chương 1, tài liệu [1]  - Chuẩn bị ý kiến thảo luận.  - Ghi chép bài giảng, làm bài tập tại lớp theo hướng dẫn.  - Làm bài tập ở nhà.  - Đọc trước chương 2 tài liệu [1] | G 1.1  G 1.1.1  G 1.1.2  G 1.1.3 | A1.1,  A1.2,  A1.3, |
| Tuần 2  Tiết 1,2,3 | Chương 2: Khái niệm  1.1. Những vấn đề chung về khái niệm  1.2. Cấu trúc logic của khái niệm  1.3. Quan hệ giữa các khái niệm | Tiết 1: Lý thuyết: Định nghĩa khái niệm; Thảo luận nhóm; Quan hệ giữa khái niệm và từ, phân loại khái niệm, quá trình hình thành khái niệm  Tiết 2: Lý thuyết: Cấu trúc logic của khái niệm, quan hệ đồng nhất, quan hệ giao nhau giữa các khái niệm;  Tiết 3: Lý thuyết: Quan hệ bao hàm; Thảo luận nhóm: Quan hệ giữa nội hàm và ngoại diên của khái niệm.  Bài tập: Quan hệ đồng nhất, giao nhau, bao hàm  Tự học: Làm bài tập ở nhà | Đọc chương 2, tài liệu [1]; Đọc thêm giáo trình, tài liệu tham khảo;  Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập, tự học ở nhà.  Làm bài test trắc nghiệm. | G 1.2  G 1.2.1  G 1.2.2  G 1.2.3 | A1.1,  A1.2,  A1.3,  A2.2, |
| Tuần 3  Tiết 1,2,3 | 1.3. Quan hệ giữa các khái niệm  1.4. Các thao tác tư duy cơ bản đối với khái niệm | Tiết 1: Lý thuyết: Quan hệ tách rời, đối lập, mâu thuẫn; Bài tập tại lớp về các nội dung trên.  Tiết 2: Lý thuyết: Thao tác định nghĩa khái niệm; Thảo luận nhóm: Các quy tắc của định nghĩa. Bài tập tại lớp về các nội dung trên.  Tiết 3: Lý thuyết: Phân chia khái niệm, thu hẹp và mở rộng khái niệm; Thảo luận nhóm: các quy tắc thu hẹp, mở rộng và phân chia khái niệm.  Bài tập về nhà: Quan hệ giữa các khái niệm, các thao tác tư duy đối với khái niệm. | Đọc chương 2, tài liệu [1]; Đọc thêm giáo trình, tài liệu tham khảo;  Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập ở nhà.  Đọc trước chương 3, tài liệu [1];  Làm bài test trắc nghiệm. | G 1.2.3  G 1.2.4 | A1.1,  A1.2,  A1.3,  A2.2, |
| Tuần 4  Tiết 1,2,3 | Chương 3: Phán đoán  1.1. Những vấn đề chung về phán đoán | Tiết 1: Lý thuyết: Định nghĩa phán đoán, cấu trúc logic của phán đoán;  Thảo luận: Phân biệt phán đoán và câu  Bài tập: Xác định cấu trúc logic của phán đoán, phân biệt phán đoán và câu.  Tự học: Phân loại phán đoán.  Tiết 2,3: Lý thuyết: Các loại phán đoán A,E,I,O.  Thảo luận: Xây dựng các phán đoán A,E,I,O.  Bài tập về nhà. | Đọc chương 3, tài liệu [1]; Đọc trước giáo trình, tài liệu tham khảo;  Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập ở nhà.  Làm bài test trắc nghiệm. | G 2.1  G 2.1.1 | A1.1,  A1.2,  A1.3,  A2.2, |
| Tuần 5  Tiết 1,2,3. | 1.2. Phán đoán đơn | Tiết 1, 2: Lý thuyết: Hình vuông logic, quan hệ giá trị giữa các phán đoán A,E,I,O có cùng chủ từ, vị từ.  - Bài tập tại lớp và bài tập về nhà về các nội dung trên.  Tiết 3: Lý thuyết: Tính chu diên của các thuật ngữ trong phán đoán đơn.  - Thảo luận về tính chu diên của các thuật ngữ.  Bài tập: Xây dựng phán đoán đơn, xác định quan hệ giá trị giữa các phán đoán đơn có cùng chủ từ và vị từ.  Tự học: Vận dụng kỹ năng xác định giá trị của phán đoán đơn vào phân tích giá trị logic của các ngữ cảnh cụ thể. | Đọc chương 3, tài liệu [1]; Đọc thêm giáo trình, tài liệu tham khảo;  Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập ở nhà.  Làm bài test trắc nghiệm. | G 2.1.2 | A1.1,  A1.2,  A1.3,  A2.2, |
| Tuần 6  Tiết 1,2,3. | 1.3. Phán đoán phức | Tiết 1: Lý thuyết: Cấu trúc của phán đoán hội, tuyển mạnh.  - Thảo luận và bài tập: Viết các phán đoán hội, tuyển mạnh dưới dạng ngôn ngữ thành ký hiệu và ngược lại.  Tiết 2: Lý thuyết: Định nghĩa và cấu trúc của tuyển yếu, kéo theo.  - Thảo luận và bài tập: Viết các phán đoán tuyển yếu, kéo theo dưới dạng ngôn ngữ thành ký hiệu và ngược lại.  Tiết 3: Lý thuyết: Tính đẳng trị của phán đoán phức, phép phủ định phán đoán  Bài tập: Viết phán đoán dưới dạng ký hiệu, viết bảng giá trị của các phán đoán phức.  Tự học: Vận dụng kỹ năng viết phán đoán dưới dạng ký hiệu vào phân tích các văn bản khoa học. | Đọc chương 3, tài liệu [1]; Đọc thêm giáo trình, tài liệu tham khảo;  Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập ở nhà.  Làm bài test trắc nghiệm. | G 2.1.3 | A1.1,  A1.2,  A1.3,  A2.2, |
| Tuần 7  Tiết 1,2,3. | Chương 4: Các quy luật cơ bản của tư duy logic  1.1. Quy luật đồng nhất  1.2. Quy luật cấm mâu thuẫn | Tiết 1, 2: Lý thuyết: Nội dung của các quy luật đồng nhất, cấm mâu thuẫn.  Tiết 3: Thảo luận và bài tập: Yêu cầu của các quy luật trên, vận dụng các quy luật đó vào phân tích các sai lầm có thể có trong tư duy.  Tự học: Vai trò của các quy luật cơ bản của tư duy trong thực tiễn. | Đọc chương 4, tài liệu [1]; Đọc thêm giáo trình, tài liệu tham khảo;  Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập ở nhà.  Làm bài test trắc nghiệm. | G 2.2  G 2.2.1  G 2.2.2 | A1.1,  A1.2,  A1.3,  A2.2, |
| Tuần 8  Tiết 1,2,3. | 1.3. Quy luật loại trừ cái thứ ba  1.4. Quy luật lý do đầy đủ | - Tiết 1, 2: Lý thuyết: Nội dung, yêu cầu, ký hiệu của các quy luật loại trừ cái thứ ba, quy luật lý do đầy đủ.  - Tiết 3: Thảo luận và Bài tập: Vận dụng các quy luật vào phân tích các sai lầm có thể có trong tư duy.  Tự học: Vai trò của các quy luật cơ bản của tư duy trong thực tiễn. | Đọc chương 4, tài liệu [1]; Đọc trước chương 5, tài liệu [1]; Đọc thêm giáo trình, tài liệu tham khảo;  Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập ở nhà.  Làm bài test trắc nghiệm. | G 2.2.3  G 2.2.4 | A1.1,  A1.2,  A1.3,  A2.2, |
| Tuần 9  Tiết 1,2,3. | Chương 5: Suy luận  1.1. Những vấn đề chung về suy luận | - Tiết 1: + Lý thuyết: Định nghĩa suy luận.  + Thảo luận: Phân loại suy luận.  + Bài tập: Điều kiện để suy luận cho kết luận chân thực.  - Tiết 2: Lý thuyết: Cấu trúc logic của suy luận.  + Thảo luận: Phân biệt phép suy diễn và phép quy nạp.  + Bài tập:  - Tiết 3: Lý thuyết: Suy diễn trực tiếp.  + Thảo luận: Phép đảo ngược phán đoán.  + Bài tập: Bài tập về phép đảo ngược.  Tự học: | Đọc chương 5, tài liệu [1]; Đọc thêm giáo trình, tài liệu tham khảo;  Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập ở nhà.  Làm bài test trắc nghiệm. | G 3.1  G 3.1.1 | A1.1,  A1.2,  A2.2, |
| Tuần 10  Tiết 1,2,3. | 1.2. Suy luận diễn dịch | - Tiết 1: Lý thuyết: Suy diễn trực tiếp dựa vào hình vuông logic.  + Thảo luận: Suy diễn trực tiếp dựa vào phép phủ định phán đoán.  + Bài tập: Bài tập về phép suy diễn trực tiếp dựa vào các hình thức đảo ngược và phủ định phán đoán.  - Tiết 2: Lý thuyết: Suy diễn gián tiếp, tam đoạn luận Aristot.  + Thảo luận: Cấu trúc logic của tam đoạn luận.  + Bài tập. Bài tập về cấu trúc logic của tam đoạn luận.  - Tiết 3: Lý thuyết: Các loại hình của tam đoạn luận. Các quy tắc logic của tam đoạn luận.  + Thảo luận: Quy tắc loại hình và kiểu.  + Bài tập: Khảo sát các kiểu tam đoạn luận cho kết luận hợp logic ở 4 loại hình.  Tự học: Tam đoạn luận điều kiện, tam đoạn luận lựa chọn. | Đọc chương 5, tài liệu [1]; Đọc thêm giáo trình, tài liệu tham khảo;  Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập ở nhà.  Làm bài test trắc nghiệm. | G 3.1.2 | A1.1,  A1.2,  A1.3,  A2.2, |
| Tuần 11  Tiết 1,2,3. | 1.2. Suy luận diễn dịch  1..3. Suy luận quy nạp. | - Tiết 1: Lý thuyết: Tam đoạn luận rút gọn.  + Thảo luận: Các loại tam đoạn luận rút gọn.  + Bài tập: Khôi phục tam đoạn luận rút gọn.  - Tiết 2: Lý thuyết: Định nghĩa phép quy nạp.  + Thảo luận: Phân biệt quy nạp và suy diễn.  + Bài tập:  - Tiết 3: Lý thuyết: Quy nạp hoàn toàn và quy nạp phổ thông.  + Thảo luận: Điều kiện để phép quy nạp cho kết luận đúng.  + Bài tập: Bài tập về phép quy nạp. | Đọc chương 5, tài liệu [1]; Đọc thêm giáo trình, tài liệu tham khảo;  Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập ở nhà.  Làm bài test trắc nghiệm. | G 3.1.2 | A1.1,  A1.2,  A1.3,  A2.2, |
| Tuần 12  Tiết 1,2,3. | 1.3. Suy luận quy nạp | - Tiết 1: Lý thuyết: Quy nạp khoa học  + Thảo luận: Nhận xét về kết luận của phép quy nạp khoa học.  + Bài tập: Bài tập về phép quy nạp.  - Tiết 2: Lý thuyết: Các hình thức quy nạp khoa học cơ bản.  + Thảo luận: Phân biệt quy nạp đầy đủ và quy nạp không đầy đủ.  + Bài tập: Bài tập về phép quy nạp.  - Tiết 3: Lý thuyết: Phép loại suy.  + Thảo luận: Nhận xét về kết luận của phép loại suy.  + Bài tập: Bài tập về phép quy nạp.  Tự học: Mối quan hệ giữa suy diễn và quy nạp. | Đọc trước giáo trình, tài liệu tham khảo;  Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập ở nhà.  Làm bài test trắc nghiệm. | G 3.1.3 | A1.1,  A1.2,  A1.3,  A2.2, |
| Tuần 13  Tiết 1,2,3. | Chương 6: Chứng minh  1.1. Những vấn đề chung về chứng minh | - Tiết 1: Lý thuyết: Định nghĩa phép chứng minh  + Thảo luận: Vai trò của chứng minh trong thực tiễn và trong nhận thức.  + Bài tập: Bài tập về phép chứng minh.  - Tiết 2: Lý thuyết: Phân loại chứng minh.  + Thảo luận: Phân biệt chứng minh trực tiếp và chứng minh gián tiếp.  + Bài tập: Bài tập về phép chứng minh.  - Tiết 3: Lý thuyết: Phân loại chứng minh (tiếp).  + Thảo luận: Các ví dụ về các hình thức chứng minh.  + Bài tập: Bài tập về phép chứng minh. | Đọc chương 6, tài liệu [1]; Đọc thêm giáo trình, tài liệu tham khảo;  Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập ở nhà.  Làm bài test trắc nghiệm. | G 3.2  G 3.2.1 | A1.1,  A1.2,  A2.2, |
| Tuần 14  Tiết 1,2,3. | 1.2. Cấu trúc logic của chứng minh  1.3. Các quy tắc cơ bản và các loại lỗi thường gặp trong chứng minh | - Tiết 1: Lý thuyết: Cấu trúc logic của chứng minh  + Thảo luận: Phân biệt luận đề, luận cứ, luận chứng.  + Bài tập: Bài tập về phép chứng minh.  - Tiết 2: Lý thuyết: Các quy tắc logic cơ bản của phép chứng minh, quy tắc của luận đề.  + Thảo luận: Vai trò của quy tắc logic trong chứng minh.  + Bài tập: Bài tập về phép chứng minh.  - Tiết 3: Lý thuyết: Quy tắc của luận cứ và luận chứng.  + Thảo luận: Phân biệt quy tắc của luận đề, luận cứ, luận chứng.  + Bài tập: Bài tập về phép chứng minh.  Tự học: Phân tích cấu trúc logic của chứng minh trong các ví dụ cụ thể. | Đọc chương 6, tài liệu [1]; Đọc thêm giáo trình, tài liệu tham khảo;  Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập ở nhà.  Làm bài test trắc nghiệm. | G 3.2.2 | A1.1,  A1.2,  A2.2, |
| Tuần 15  Tiết 1,2,3. | 1.3. Các loại lỗi thường gặp trong chứng minh | - Tiết 1: Lý thuyết: Các loại lỗi đối với luận đề  + Thảo luận: Các ví dụ về các loại lỗi đối với luận đề.  + Bài tập: Bài tập về các loại lỗi thường gặp trong chứng minh.  - Tiết 2: Lý thuyết: Các loại lỗi đối với luận cứ.  + Thảo luận: Các ví dụ về các loại lỗi đối với luận cứ.  + Bài tập: Bài tập về các loại lỗi thường gặp trong chứng minh.  - Tiết 3: Lý thuyết: Các loại lỗi đối với luận chứng.  + Thảo luận: Các ví dụ về các loại lỗi đối với luận chứng.  + Bài tập: Bài tập về các loại lỗi thường gặp trong chứng minh.  Tự học: Phân tích các loại lỗi thường gặp thông qua các ví dụ cụ thể. | Đọc chương 6, tài liệu [1]; Đọc thêm giáo trình, tài liệu tham khảo;  Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập ở nhà.  Làm bài test trắc nghiệm. | G 3.2.3 | A1.1,  A1.2,  A2.2, |

**7. Nguồn học liệu** *(các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm,…)*

***Giáo trình:***

[1] PGS.TS. Nguyễn Thái Sơn, Th.s Phan Huy Chính, Bài giảng Logic hình thức; Đại học Vinh 2017.

*Các tài liệu tham khảo khác:*

1. PGS.TS. Nguyễn Lương Bằng; Logic học; Nxb Nghệ An 2008.

2. Bùi Thanh Quất, Lôgíc học hình thức, Hà Nội 1995

**8. Quy định của môn học**

- Sinh viên nộp hồ sơ môn học theo yêu cầu.

- Sinh viên phải làm đầy đủ bài tập/báo cáo do giảng viên giao.

- Dự lớp tối thiểu 80% số tiết giảng.

**9. Phụ trách môn học**

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Giáo dục chính trị/Tổ bộ môn Triết học.

- Địa chỉ/email: số 182 - Lê Duẩn, thành phố Vinh.